

**Bản Chi tiết sản phẩm**  
 Ngày phát hành 11, 2009  
 Mã số no 8.1.023  
 Hiệu đính lần 00  
 Sikafloor® 263 SL

## Sikafloor® 263 SL

Hệ thống phủ hoàn thiện cho sàn nhám và sàn tự san phẳng Epoxy

<b>Mô tả</b>	Sikafloor® 263 SL là chất kết dính Epoxy đa năng hai thành phần	
<b>Các ứng dụng</b>	<p>Hệ thống sàn tự san phẳng và nhám cho sàn bê tông và lớp vữa trát chịu tải trọng từ vừa đến cao như nhà kho, hội trường, nhà xưởng, gara, đường có mái dốc. . .</p> <p>Hệ thống sàn nhám được dùng cho những nơi ẩm ướt, nhà xưởng chế biến nước uống các loại, công nghiệp thực phẩm, xưởng bảo dưỡng máy bay . . .</p>	
<b>Ưu điểm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>■ Khả năng tự san lấp cao</li> <li>■ Kháng hóa chất và va đập cao</li> <li>■ Dễ thi công</li> <li>■ Tiết kiệm</li> <li>■ Không cho các chất lỏng thấm xuyên qua</li> <li>■ Không có dung môi</li> <li>■ Bề mặt hoàn thiện bóng láng</li> <li>■ Có khả năng chống trượt</li> </ul>	
<b>Thông tin về sản phẩm</b>		
<b>Màu</b>	<p>Nhựa: thành phần A, dạng lỏng có màu.</p> <p>Tác nhân đóng rắn: thành phần B, dạng lỏng trong suốt</p> <p>5 màu bóng chuẩn : Ral 7030, Ral 7032, Ral 7035, Ral 7037, Ral 7040.</p> <p>Dưới ánh sáng mặt trời trực tiếp màu sắc có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến các tính năng của lớp phủ</p>	
<b>Đóng gói</b>	<p>Bộ 20 kg (thành phần A +B)</p> <p>Thành phần A: 15.8kg/can</p> <p>Thành phần B: 4.2kg/can</p>	
<b>Lưu trữ</b>	<p>Hạn sử dụng là 12 tháng nếu lưu trữ trong điều kiện bao bì còn nguyên vẹn, chưa mở nắp, và ở nhiệt độ từ 18°C – 30°C</p>	
<b>Thông số kỹ thuật</b>		
<b>Gốc hoá học</b>	Epoxy	
<b>Tỷ trọng</b>	<p>Thành phần A: ~ 1.5 kg/l</p> <p>Thành phần B: ~ 1.0 kg/l</p> <p>Hỗn hợp nhựa : ~1.43 kg/l</p> <p>Tất cả các giá trị tỉ trọng đo ở nhiệt độ 23°C</p> <p>Hàm lượng chất rắn: 100%</p>	
<b>Đặc tính cơ lý</b>		
<b>Lực chịu nén</b>	~60 N/mm <sup>2</sup> (28 ngày và 23°C)	(EN196-1)
<b>Lực chịu uốn</b>	~30 N/mm <sup>2</sup> (28 ngày và 23°C)	(EN196-1)
<b>Lực bám dính</b>	> 1.5 N/mm <sup>2</sup> (Bê tông bị vỡ)	(ISO4624)
<b>Độ cứng Shore D</b>	76 (7 ngày và 23°C)	(DIN53 505)



Khả năng kháng mài mòn 70mg (CS10/1000/1000) (8 ngày ở 23°C) (DIN53-109)

## Tính kháng

Kháng hóa chất Kháng nhiều loại hóa chất, tham khảo bản chi tiết kháng hóa chất

Kháng nhiệt

Thời gian	Nhiệt khô
Lâu dài	50°C
7 ngày	80°C
12 giờ	100°C

Thỉnh thoảng tiếp xúc nhiệt ẩm có thể chịu được đến 80°C  
Không tiếp xúc đồng thời hóa học và cơ học

## Thông tin hệ thống

Cấu trúc hệ thống

*Hệ thống tự san phẳng 1mm*

Lớp kết nối : 1x Sikafloor® 161

Lớp phủ : Sikafloor® 263 SL + Silicaflour

*Hệ thống tự san phẳng 1.5 – 3.0mm*

Lớp kết nối : 1 x Sikafloor® 161

Lớp phủ : Sikafloor® 263 SL + Quartz sand (0.1 – 0.3mm)

*Hệ thống nhám 4mm*

Lớp kết nối : Sikafloor® 161

Lớp thứ nhất : Sikafloor® 263 SL + Quartz sand (0.1 – 0.3mm)

Lớp tạo nhám : Quartz sand (0.4 – 0.7mm)

Lớp phủ hoàn thiện : Sikafloor® 264

## Phương pháp thi công

Định mức và tỉ lệ

Hệ thống phủ	Sản phẩm	Định mức
Lớp kết nối	Sikafloor® 161	0.3 – 0.55kg/m <sup>2</sup>
Tự san phẳng 1mm	Vữa tự san phẳng Sikafloor® 161 Sikafloor® 263 SL + Silicaflour	Tham khảo tài liệu kỹ thuật Sikafloor® 161 1.2kg/m <sup>2</sup> /mm binder + 0.25kg/m <sup>2</sup> /mm silicaflour
Lớp phủ tự san phẳng 1.5 – 3.0mm	Sikafloor® 263 SL + QS (0.1 – 0.3mm)	(0.95 + 0.95kg)/m <sup>2</sup>
Hệ thống nhám 4mm	Sikafloor® 263 SL + QS(0.1 – 0.3mm)=1:1 QS 0.4 – 0.7mm Lớp phủ Sikafloor® 264	2.0kg/m <sup>2</sup> 2.0kg/m <sup>2</sup> ~ 6.0kg/m <sup>2</sup> ~ 0.7kg/m <sup>2</sup>

Chú ý: Số liệu trên có tính lý thuyết và không hoàn toàn chính xác, nó phụ thuộc vào độ nghiêng, độ gập gềnh của bề mặt và sự hao hụt trong thi công.

Chất lượng bề mặt

Bề mặt bê tông phải đặc chắc và cường độ tối thiểu phải là 25 N/mm<sup>2</sup> với lực búa dầm là 1.5N/mm<sup>2</sup>

Bề mặt phải sạch, khô ráo, không dính dầu mỡ, các vết bẩn và lớp phủ cũ phải được làm sạch

Nên làm thử một diện tích nhỏ để kiểm tra trước khi thi công!

Chuẩn bị bề mặt

Bề mặt bê tông cần phải được làm nhám bằng máy làm nhám hoặc dụng cụ tương tự để làm sạch bề mặt

Mẫu bê tông lỏng lẻo cần phải loại bỏ, các lỗ rỗng bề mặt phải được trám trét kỹ

Có thể dùng Sikafloor®, Sikadur® hoặc Sikagard® để sửa chữa bề mặt bê tông

Bề mặt bê tông hay vữa cement phải đạt được độ bằng phẳng

Các điểm cộm lên phải được mài bằng

Tất cả bụi bặm phải được làm sạch ngay trước khi thi công sản phẩm

## Điều kiện và giới hạn thi công

Nhiệt độ bề mặt +10°C – 30°C

Nhiệt độ môi trường +10°C – 30°C

Độ ẩm bề mặt < 4% (Thử bằng dụng cụ đo của Sika hoặc phương pháp sấy)

Độ ẩm môi trường Cao nhất là 80%

<b>Điểm sương</b>	Nhiệt độ bề mặt phải cao hơn điểm sương 3°C để tránh rủi ro sự ngưng tụ hay đọng của bề mặt khi hoàn thiện																								
<b>Hướng dẫn thi công</b>																									
<b>Tỉ lệ trộn</b>	Thành phần A : thành phần B = 79 : 21																								
<b>Thời gian trộn</b>	<p>Trước khi trộn, khuấy đều thành phần A. Khi cho hết thành phần B vào thành phần A tiếp tục trộn trong 2 phút cho đến khi đều màu</p> <p>Sau khi thành phần A và B đã được trộn đều thêm cát thạch anh 0.1 - 0.3mm hoặc chất độn Sikafloor® và tiếp tục trộn trong 2 phút cho thật đều</p> <p>Để đạt được hỗn hợp đều thi nên cho vào một thùng khác để trộn</p> <p>Nếu trộn lâu nên hạn chế bột khí cuốn vào trong quá trình trộn</p>																								
<b>Dụng cụ trộn</b>	Sikafloor® 263 SL được trộn bằng cần trộn tốc độ thấp (300 – 400 vòng/phút) hoặc dụng cụ trộn chuyên dùng																								
<b>Phương pháp thi công</b>	<p>Trước khi thi công phải chắc chắn rằng độ ẩm bề mặt và điểm sương phải đạt yêu cầu</p> <p>Nếu độ ẩm lớn hơn 4% có thể dùng Sikafloor® Epcem® như là hệ thống ngăn ẩm</p> <p><i>Làm phẳng bề mặt:</i></p> <p>Trước hết bề mặt sàn phải phẳng, nên dùng vữa Sikafloor® 161 tự san phẳng để làm phẳng sàn</p> <p><i>Lớp phủ tự san phẳng:</i></p> <p>Sikafloor® 263 SL là sản phẩm dạng chảy lỏng hơi sệt, trải rộng bằng bay răng cưa. Sau khi trải rộng trên bề mặt sàn, nếu dùng bay răng cưa thi công bề mặt hoàn thiện sẽ đẹp và phẳng hơn</p> <p>Dùng rulo gai lăn ngay lập tức theo hai hướng vuông góc với nhau để đảm bảo độ dày được đều</p> <p><i>Hệ thống nhám:</i></p> <p>Sikafloor® 263 SL là sản phẩm dạng chảy lỏng hơi sệt, trải rộng bằng bay răng cưa. Sau đó làm phẳng và dùng rulo gai lăn đều khoảng 15 phút (ở 20°C) để lấy hết bọt khí ra nhưng không được quá 30 phút (ở 20°C)</p> <p>Rắc cát lên, lúc đầu rắc nhẹ đều, sau đó rắc thêm đúng định mức</p>																								
<b>Vệ sinh dụng cụ</b>	<p>Rửa dụng cụ và thiết bị ngay lập tức bằng Thinner C</p> <p>Khi sản phẩm đã đóng rắn thì phải dùng biện pháp cơ học để vệ sinh</p>																								
<b>Thời gian cho phép thi công</b>	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiệt độ</th> <th>Thời gian</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10°C</td> <td>~ 50 phút</td> </tr> <tr> <td>20°C</td> <td>~ 25 phút</td> </tr> <tr> <td>30°C</td> <td>~ 15 phút</td> </tr> </tbody> </table>	Nhiệt độ	Thời gian	10°C	~ 50 phút	20°C	~ 25 phút	30°C	~ 15 phút																
Nhiệt độ	Thời gian																								
10°C	~ 50 phút																								
20°C	~ 25 phút																								
30°C	~ 15 phút																								
<b>Thời gian chờ</b>	<p>Trước khi thi công Sikafloor® 263 SL trên Sikafloor® 161 như sau</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiệt độ sàn</th> <th>Thời gian tối thiểu</th> <th>Thời gian tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10°C</td> <td>24 giờ</td> <td>3 ngày</td> </tr> <tr> <td>20°C</td> <td>12 giờ</td> <td>2 ngày</td> </tr> <tr> <td>30°C</td> <td>8 giờ</td> <td>1 ngày</td> </tr> </tbody> </table> <p>Trước khi thi công Sikafloor® 263 SL trên Sikafloor 263® SL như sau</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhiệt độ sàn</th> <th>Thời gian tối thiểu</th> <th>Thời gian tối đa</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>10°C</td> <td>30 giờ</td> <td>3 ngày</td> </tr> <tr> <td>20°C</td> <td>24 giờ</td> <td>2 ngày</td> </tr> <tr> <td>30°C</td> <td>16 giờ</td> <td>1 ngày</td> </tr> </tbody> </table> <p>Thời gian chỉ có tính tương đối và có thể thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ và độ ẩm môi trường</p>	Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa	10°C	24 giờ	3 ngày	20°C	12 giờ	2 ngày	30°C	8 giờ	1 ngày	Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa	10°C	30 giờ	3 ngày	20°C	24 giờ	2 ngày	30°C	16 giờ	1 ngày
Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa																							
10°C	24 giờ	3 ngày																							
20°C	12 giờ	2 ngày																							
30°C	8 giờ	1 ngày																							
Nhiệt độ sàn	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa																							
10°C	30 giờ	3 ngày																							
20°C	24 giờ	2 ngày																							
30°C	16 giờ	1 ngày																							

## Chú ý khi thi công

Không được thi công Sikafloor® 263 SL trên bề mặt có độ ẩm tăng  
 Không thay thế lớp kết nối  
 Thi công Sikafloor 263® SL cần phải ngăn chặn độ ẩm, ngưng tụ hơi nước và nước trong 24 giờ  
 Làm phẳng các khu vực trũng trên bề mặt bằng lớp lót  
 Những khu vực mà bề mặt bê tông nhám hoặc tro cát thì việc dùng Sikafloor® 161 cho hệ thống sàn nhám là không cần thiết  
**Lớp sơn phủ**  
 Sẽ không được thi công nếu mặt sàn không phẳng và có bụi bám toàn bộ bề mặt đang thi công và vùng lân cận phải luôn được vệ sinh sạch sẽ  
**Dụng cụ**  
 Giới thiệu một số địa chỉ có bán dụng cụ  
 PPW-Polyplan-Werkzeuge GmbH, Phone: +49 40/5597260, www.polyplan.com.  
 Serrated trowel for smooth wearing layer:  
 e.g. Large-Surface Scrapper No. 565, Toothed blades No. 25  
 Serrated trowel for textured wearing layer:  
 e.g. Trowel No. 999 or Adhesive Spreader No.777, Toothed blades No. 23  
 Để đánh giá và xử lý đúng những vết nứt có thể hướng dẫn thời gian bảo dưỡng  
 Để màu của sàn sau khi hoàn thiện có màu đồng nhất thì nên dùng cùng một lô Sikafloor® 263 SL cho cùng một khu vực  
 Trong một vài trường hợp nhiệt độ nóng của sàn kết hợp với sự hấp thụ nhiệt từ bên ngoài sẽ làm xuất hiện “vết nhăn” trên sản phẩm  
 Nếu nhiệt được yêu cầu thì được sử dụng ga, parafin, dầu, nhiên liệu vì chúng sẽ sản sinh ra một lượng lớn hỗn hợp khí CO và hơi nước lơ lửng, điều đó có ảnh hưởng bất lợi cho việc hoàn thiện. Để gia nhiệt nên sử dụng nguồn khí ấm từ điện năng

## Thời gian bảo dưỡng

Thời gian chờ sau khi thi công

Nhiệt độ	Có thể đi bộ được	Chịu tác động cơ học nhẹ	Đưa vào sử dụng hoàn toàn
+10°C	~ 72 giờ	~ 6 ngày	~ 10 ngày
+20°C	~ 24 giờ	~ 4 ngày	~ 7 ngày
+30°C	~ 18 giờ	~ 2 ngày	~ 5 ngày

**Thời gian mang tính tương đối và phụ thuộc vào điều kiện môi trường.**

## Vệ sinh / bảo dưỡng

Phương pháp

Để giữ gìn bề mặt sàn sau khi thi công, các mẫu Sikafloor® 263 SL bị rơi vãi phải được lau sạch ngay lập tức và phải dùng máy đánh bóng mềm để làm sạch cơ học, làm sạch bằng phương pháp ướt, phương pháp chà mạnh, vệ sinh bằng kỹ thuật rửa chân không, sử dụng chất tẩy rửa thích hợp và sáp ong

## Thông tin về sức khỏe và An toàn

Sinh thái học

Không đổ bỏ vào nguồn nước

Đổ bỏ chất thải

Theo qui định địa phương

Miễn trừ

Các thông tin, và đặc biệt, những hướng dẫn liên quan đến việc thi công và sử dụng cuối cùng của các sản phẩm Sika, được cung cấp với thiện chí của chúng tôi dựa trên kiến thức và kinh nghiệm hiện tại của Sika về sản phẩm trong điều kiện được lưu trữ đúng cách, sử dụng và thi công trong điều kiện bình thường theo hướng dẫn của Sika. Trong ứng dụng thực tế, chúng tôi không bảo đảm sản phẩm sẽ phù hợp với một mục đích cụ thể nào đó nếu có sự khác biệt về vật tư, cốt liệu và điều kiện thực tế của công trường, cũng như không có một ràng buộc pháp lý nào đối với chúng tôi ngay từ các thông tin này hoặc từ một hướng dẫn bằng văn bản, hay từ bất cứ một sự vụ nào. Người sử dụng sản phẩm này phải thí nghiệm xem sản phẩm có phù hợp với mục đích thi công họ mong muốn không. Sika có quyền thay đổi đặc tính của sản phẩm mình. Quyền sở hữu của bên thứ ba phải được chú ý. Mọi đơn đặt hàng chỉ được chấp nhận dựa trên Bảng Điều Kiện Bán Hàng hiện hành của chúng tôi. Người sử dụng phải luôn tham khảo Tài Liệu Kỹ Thuật mới nhất của sản phẩm. Chúng tôi sẽ cung cấp các tài liệu này theo yêu cầu.



Sika Limited (Vietnam)

Trụ sở chính:

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1  
 Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai  
 Tel: (84-61) 3560 700  
 Fax: (84-61) 3560 699

